

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 11 năm 2017
“V/v ly hôn giữa ông S và bà N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Thị Thu Phương.

Bà Ngô Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 139/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về “ tranh chấp ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1930 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm P, xã Q, huyện T, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị N đã tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 20 tháng 12 năm 2006. Sau khi kết hôn mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là giữa con riêng của ông và bà N; ông và bà N thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ năm 2008 bà N đã bỏ nhà về xã Tân Thịnh để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông đề nghị xin được ly hôn với bà N.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Ông và bà N không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 22 - 10 -2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông S chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân nhiều năm. Ông S xin ly hôn, bà cũng đồng ý.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Bà thừa nhận như ông S trình bày là đúng, nên bà cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N.

[2]. *Về hôn nhân:* Ông S và bà N kết hôn có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là nhân hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa ông S và bà N chung sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa ông S và bà N không còn, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nên yêu cầu xin ly hôn của ông S được chấp nhận.

[3]. *Về con chung, tài sản và công nợ chung :* Ông S và bà N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[4]. *Về án phí :* Ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị N.
2. Về án phí : ông Nguyễn Ngọc S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông S đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số 0001878 ngày 17 tháng 10 năm 2017.
3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản
- THADS huyện: 01 bản.
- UNND xã Q.
- Các đương sự
- Lưu HS: 01 bản
- Lưu VP: 01 bản

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh.